

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /UBND-NC

Đồng Nai, ngày tháng 4 năm 2026

V/v tổ chức triển khai khắc phục
hệ thống giao thông, nguồn nước
phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ
trên địa bàn tỉnh

Kính gửi:

- Công an tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- Sở Tài chính;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế;
- Các đơn vị cung cấp nước;
- UBND các xã, phường.

Thực hiện Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 15/11/2025 của UBND tỉnh về việc tổng rà soát, phân loại, lập, công bố danh sách cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy và không có khả năng khắc phục theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại thời điểm đưa vào hoạt động đến trước ngày Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ năm 2024 có hiệu lực thi hành;

Qua hoạt động kiểm tra cho thấy còn rất nhiều tồn tại, hạn chế cần khẩn trương khắc phục¹ (*Phụ lục kèm theo*). Để giải quyết các thực trạng trên, nhằm đảm bảo giao thông, nguồn nước phục vụ công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Công an tỉnh

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các doanh nghiệp cung cấp nước đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo chính quyền địa phương các phương án xử lý đối với các tuyến đường còn nhiều hạn chế; xử lý trụ nước, bể nước bị hư hỏng, xuống cấp, các hồ, đập chưa xây dựng bến lấy nước cho xe chữa cháy.

- Phối hợp Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy định về cải tạo,

¹ Còn số lượng lớn các tuyến đường không đủ chiều rộng, chiều cao, có các bụi, bê, cột (bê tông, sắt), barie, mái che, mái vẩy chắn ngang làm cản trở xe chữa cháy khi đi làm nhiệm vụ; một số trụ nước, bể nước bị hư hỏng, xuống cấp, các hồ, đập chưa xây dựng bến lấy nước cho xe chữa cháy...

chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không đảm bảo hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo Công an cấp xã tăng cường công tác bảo vệ, ngăn chặn và xử lý các hành vi lấy cắp, phá hoại trụ nước chữa cháy. Quá trình sử dụng hệ thống cấp nước chữa cháy hoặc kiểm tra phát hiện hệ thống cấp nước chữa cháy bị hỏng thì thông báo ngay cho các cơ quan quản lý cấp nước biết để kịp thời sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng.

2. Sở Xây dựng

- Chủ trì phối hợp với Công an tỉnh, các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không đảm bảo hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy, nâng cấp hạ tầng giao thông, bố trí nguồn nước chữa cháy đảm bảo theo quy định của pháp luật và các quy chuẩn, quy định liên quan.

- Chủ trì thành lập đoàn kiểm tra hiện trạng giao thông, nguồn nước tại các tuyến đường không đủ chiều rộng, chiều cao, có các bụi, bệ, cột (bê tông, sắt), barie, mái che, mái vẩy chắn ngang làm cản trở xe chữa cháy; số trụ nước, bể nước bị hư hỏng, xuống cấp, các hồ, đập chưa xây dựng bến lấy nước cho xe chữa cháy để tham mưu UBND tỉnh phương án rà soát, lập bổ sung quy hoạch xây dựng các bến, bãi, điểm lấy nước phục vụ chữa cháy tại các tuyến đường, khu dân cư chưa được lắp đặt trên toàn tỉnh để thuận tiện cho việc khai thác, sử dụng phục vụ cho công tác chữa cháy.

- Thẩm định hồ sơ thiết kế của các đơn vị theo đúng quy định, bảo đảm quy hoạch, đầu tư xây dựng và quản lý hệ thống cấp nước chữa cháy trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính

- Phối hợp Sở Xây dựng, Công an tỉnh và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị theo quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước.

- Hướng dẫn các đơn vị, địa phương quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện cải tạo, chỉnh trang đô thị theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Có phương án di dời, tháo dỡ các bụi, bệ, cột (bê tông, sắt), barie, mái che chắn xe chữa cháy hoạt động; lập dự án, đề xuất kinh phí cải tạo, mở rộng các tuyến đường giao thông trong khu dân cư không đảm bảo chiều rộng, chiều cao; kiểm tra,

sửa chữa các đoạn đường giao thông bị hư hỏng, khắc phục một số góc cua gấp, nâng tải trọng đối với những cây cầu không đảm bảo về tải trọng cho xe chữa cháy hoạt động, xây dựng một số bến, bãi, điểm lấy nước để xe chữa cháy có thể lấy nước tại các nguồn nước tự nhiên trên địa bàn quản lý.

- Định kỳ hàng năm chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp các đơn vị cấp nước kiểm tra, rà soát hệ thống cấp nước đô thị trên địa bàn quản lý, đảm bảo lưu lượng nước phục vụ công tác chữa cháy theo quy định.

5. Các đơn vị cung cấp nước

- Tiếp tục kiểm tra, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa, sử dụng mạng lưới trụ nước chữa cháy đang quản lý. Có phương án thay thế hoặc cải tạo lại các trụ nước chữa cháy không đồng bộ cho phù hợp với phương tiện lấy nước của xe chữa cháy, máy bơm chữa cháy.

- Tăng cường công tác trao đổi, báo cáo số liệu, tình hình trụ nước chữa cháy (tăng, giảm, hư hỏng...) về Công an tỉnh Đồng Nai (qua Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH) và UBND cấp xã có mạng lưới trụ nước chữa cháy đi qua để phục vụ cho công tác chữa cháy khi có sự việc xảy ra.

6. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế và các Cụm công nghiệp

Thường xuyên tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng các trụ nước chữa cháy trong khu vực phụ trách; theo dõi, giám sát, đôn đốc chủ đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp thực hiện đúng trách nhiệm khi thi công, đưa vào hoạt động hệ thống cấp nước chữa cháy của các khu chế xuất, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các doanh nghiệp cung cấp nước triển khai thực hiện nghiêm túc. Kết quả thực hiện báo cáo về UBND tỉnh (qua Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh) trước ngày **30/4/2026** để theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- C07 - BCA;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Văn Hà

PHỤ LỤC 1
THỐNG KÊ SỐ LIỆU GIAO THÔNG PHỤC VỤ CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
(Kèm theo Công văn số /UBND-NC ngày / 4 /2026)

Tuyến đường có chiều rộng tối thiểu 3,5m; chiều cao tối thiểu 4,5m			Góc cua tại ngã ba, ngã tư			Cầu			Tuyến đường nội đô không có bãi đỗ cho xe chữa cháy			Cơ sở, khu dân cư nằm trong hẻm nhỏ, sâu 200m trở lên, xe CC không tiếp cận được			Tuyến phố, ngõ, ngách... có bậc, bệ, barie, mái che, mái vẩy, chắn ngang		
Tổng số tuyến đường	Số lượng tuyến đường không đảm bảo	Tỉ lệ phần trăm không đảm bảo	Tổng số góc cua tại ngã ba, ngã tư	Số lượng góc cua không đảm bảo	Tỉ lệ phần trăm không đảm bảo	Tổng số cầu	Số cầu không đảm bảo tải trọng	Tỉ lệ phần trăm không đảm bảo	Tổng số tuyến đường	Số tuyến đường không có bãi đỗ xe	Tỉ lệ phần trăm không đảm bảo	Tổng số cơ sở, khu dân cư	Số cơ sở, KDC xe CC không tiếp cận được	Tỉ lệ phần trăm không đảm bảo	Tổng số tuyến phố, ngõ, ngách	Số tuyến phố, ngõ, ngách... bị chắn ngang	Tỉ lệ phần trăm không đảm bảo
11260	1247	11%	8878	1630	18%	715	121	17%	3303	798	24%	4387	960	22%	2481	146	6%

PHỤ LỤC 2
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ CHỮA CHÁY
(Kèm theo Công văn số /UBND-NC ngày / 4 /2026)

THỰC TRẠNG NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ CHỮA CHÁY																			
Địa phương	Tổng số phường, xã; khu công nghiệp	Số quận, huyện; khu công nghiệp có mạng lưới trụ cấp nước chữa cháy	Trụ nước chữa cháy					Bể nước			Ao, hồ, kênh, mương			Bến lấy nước			Hố thu nước		
			Số lượng	Tình trạng		Khả năng cấp nước cho xe CC		Số lượng	Xe CC lấy nước được	Xe CC không lấy nước được	Số lượng	Xe CC lấy nước được	Xe CC không lấy nước được	Số lượng	Xe CC lấy nước được	Xe CC không lấy nước được	Số lượng	Xe CC lấy nước được	Xe CC không lấy nước được
				Tốt	Hỏng	Được	Không được												
Đồng Nai	95 phường xã; 44 khu công nghiệp	67	4075	3693	228	3544	248	324	313	7	1065	344	713	62	58	7	40	33	5

9	Phường Bình Lộc	1	1	140	140	0	140	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0
10	Phường Long Khánh	1	1	106	106	0	106	0	2	2	0	7	7	0	0	0	0	0	0	0
11	Xã Bom Bò	1	1	10	10	0	10	0	0	0	0	4	4	0	0	0	0	1	1	0
12	Xã Thọ Sơn	1	1	1	1	0	1	0	1	1	0	4	4	0	0	0	0	0	0	0
13	Xã Đắc Nhau	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Xã Bù Gia Mập	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5	5	0	0	0	0	0	0	0
15	Xã Đồng Tâm	1	1	6	6	0	6	0	0	0	0	18	13	5	0	0	0	1	1	0
16	Xã Thuận Lợi	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0
17	Phường Minh Hưng	1	1	35	33	2	28	1	2	2	0	8	5	3	0	0	0	0	0	0
18	Phường Chơn Thành	1	1	162	162	0	162	0	4	4	0	5	5	0	0	0	0	0	0	0
19	Xã Phước Sơn	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5	2	3	0	0	0	0	0	0
20	Xã Nghĩa Trung	1	1	3	3	0	3	0	2	2	0	3	3	0	0	0	0	0	0	0
21	Phường Tân Triều	1	1	90	90	0	90	0	0	0	0	9	9	0	3	3	0	0	0	0
22	Xã Bình Minh	1	1	38	38	0	38	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	1	1	0
23	Xã Bàu Hàm	1	1	30	30	0	30	0	0	0	0	19	0	19	0	0	0	0	0	0
24	Xã Trảng Bom	1	1	81	81	0	81	0	80	80	0	5	5	0	0	0	0	0	0	0
25	Xã La Ngà	1	1	16	16	0	16	0	2	2	0	2	2	0	1	1	0	1	1	0
26	Xã Phú Hòa	1	1	21	20	1	20	1	10	10	0	4	4	0	1	1	0	0	0	0
27	Xã Phú Vinh	1	1	5	5	0	5	0	0	0	0	3	3	0	0	0	0	0	0	0
28	Xã Thanh Sơn	1	0	0	0	0	0	0	2	2	0	300	12	288	5	5	0	0	0	0

29	Xã Định Quán	1	1	62	62	0	62	0	59	59	0	3	3	0	0	0	0	0	0	0
30	Xã Hưng Thịnh	1	1	18	18	0	18	0	2	2	0	2	1	1	0	0	0	0	0	0
31	Xã Trị An	1	1	113	113	0	113	0	6	6	0	23	17	6	4	4	0	1	1	0
32	Xã Phú Lâm	1	0	0	0	0	0	0	12	2	3	8	8	8	2	2	2	0	0	0
33	Xã Tà Lài	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	2	2	0	0	0	0
34	Xã Nam Cát Tiên	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0
35	Xã Đắk Lua	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	5	3	2	0	0	0
36	Xã Tân Phú	1	1	61	61	0	61	0	37	37	0	17	1	16	0	0	0	0	0	0
37	Phường Hàng Gòn	1	1	5	5	0	5	0	0	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0
38	Xã Xuân Thành	1	1	22	22	0	22	0	0	0	0	3	3	0	0	0	0	0	0	0
39	Xã Tân An	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5	5	0	0	0	0	0	0	0
40	Xã Phú Lý	1	1	25	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3	0
41	Xã Phú Riêng	1	1	18	18	0	0	0	4	4	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0
42	Xã Bù Đăng	1	1	1	1	0	1	0	2	2	0	3	2	1	0	0	0	0	0	0
43	Xã Đắk O	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
44	Xã Đa Kìa	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10	0	10	0	0	0	0	0	0
45	Xã Bình Tân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5	0	5	0	0	0	4	4	0
46	Phường Long Hưng	1	1	66	42	4	62	4	12	10	2	6	3	4	3	2	2	0	0	0
47	Phường Phước Tân	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	8	7	1	0	0	0	8	7	1
48	Phường Tam Phước	1	1	70	65	5	65	5	0	0	0	5	5	0	1	1	0	0	0	0
49	Xã Xuân Quế	1	0	0	0	0	0	0	4	4	0	5	0	5	0	0	0	0	0	0
50	Xã Xuân Phú	1	1	22	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0

51	Xã Xuân Lộc	1	1	199	194	5	194	5	0	0	0	3	3	0	0	0	0	0	0	0
52	Xã Phước Thái	1	1	9	9	0	9	0	0	0	0	4	4	0	0	0	0	0	0	0
53	Xã Long Phước	1		32	32	0	32	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
54	Xã Bình An	1	1	101	101	0	101	0	0	0	0	6	6	0	0	0	0	0	0	0
55	Xã An Phước	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5	5	0	0	0	0	0	0	0
56	Xã Thống Nhất	1	1	251	251	0	251	0	2	2	0	2	2	0	2	2	0	0	0	0
57	Xã An Viễn	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
58	Xã Long Thành	1	1	52	42	10	42	10	0	0	0	2	2	0	2	2	0	0	0	0
59	Xã Sông Ray	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0
60	Xã Xuân Hòa	1	1	77	77	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0
61	Xã Xuân Đường	1	1	18	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0
62	Xã Cẩm Mỹ	1	1	1	1	0	14	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0
63	Xã Xuân Đông	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
64	Xã Dầu Giây	1	1	100	100	0	100	0	2	2	0	5	5	0	0	0	0	0	0	0
65	Xã Gia Kiệm	1	0	48	0	0	0	0	0	0	0	13	4	9	0	0	0	0	0	0
66	Phường Bình Phước	1	1	186	162	24	162	24	0	0	0	10	10	0	2	2	0	0	0	0
67	Phường Đồng Xoài	1	1	84	85	0	84	0	0	0	0	4	4	0	0	0	0	1	1	0
68	Phường Phước Long	1	1	19	10	9	10	0	5	5	0	3	5	0	0	0	0	0	0	0
69	Phường Phước Bình	1	1	186	162	24	162	24	0	0	0	10	10	0	2	2	0	0	0	0
70	Xã Tân Hưng	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3	0	0	0	0	0	0	0

71	Phường An Lộc	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0	86	24	62	0	0	0	0	0	0
72	Phường Bình Long	1	1	44	24	20	24	20	5	5	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0
73	Xã Tân Tiến	1	0	1	1	0	1	0	0	0	0	4	3	0	0	0	0	0	0	0
74	Xã Hưng Phước	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3	0	0	0	0	0	0	0
75	Xã Tân Lợi	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0
76	Xã Đồng Phú	1	3	90	90	0	0	0	0	0	0	3	3	0	0	0	0	0	0	0
77	Xã Tân Khai	1	1	41	41	0	41	0	0	0	0	5	5	0	0	0	0	0	0	0
78	Xã Tân Quan	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9	9	0	0	0	0	0	0	0
79	Xã Minh Đức	1	1	162	162	0	162	0	4	4	0	5	5	0	0	0	0	0	0	0
80	Xã Nhơn Trạch	1	0	9	9	0	9	0	0	0	0	4	4	0	0	0	0	0	0	0
81	Xã Xuân Định	1	1	22	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0
82	Xã Xuân Bắc	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
83	Phường Xuân Lập	1	1	16	16	0	16	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
84	Xã Lộc Ninh	1	1	34	34	0	1	33	5	3	2	38	9	29	0	0	0	2	1	1
85	Xã Phú Nghĩa	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5	2	3	0	0	0	0	0	0
86	Xã Phú Trung	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	1	0
87	Xã Long Hà	1	1	12	12	0	12	0	0	0	0	2	2	0	0	0	0	2	2	0
88	Xã Phước An	1	1	95	95	0	95	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0
89	Xã Đại Phước	1	1	9	9	0	9	0	0	0	0	4	4	0	0	0	0	0	0	0
90	Xã Thiện Hưng	1	1	1	1	0	0	0	1	4	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0
91	Xã Lộc Hưng	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	235	25	210	0	0	0	0	0	0
92	Xã Lộc Thành	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	7	7	0	0	0	0	0	0	0

93	Xã Lộc Quang	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5	5	0	0	0	0	1	1	0
94	Xã Lộc Thanh	1	3	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0
95	Xã Lộc Tấn	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3	0	0	0	0	1	1	0
	TỔNG	95	67	4075	3693	228	3544	248	324	313	7	1065	344	713	62	58	7	40	35	5

8	Phường Bảo Vinh	147	66	44,90%	160	59	36,87 %	3	0	0%	0	0	0%	0	0	0%	0	0	0%
9	Phường Bình Lộc	19	0	0	15	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	5%
10	Phường Long Khánh	169	7	4,14%	348	38	10,91 %	12	0	0%	2	2	100%	13	2	15,38 %	20	7	35%
11	Xã Bom Bo	27	3	11,11%	87	0	0	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Xã Thọ Sơn	8	0	0	0	0	0	3	0	0	8	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Xã Đắc Nhau	2	0	0,00%	38	20	52,63 %	5	0	0%	0	0	0%	0	0	0%	0	0	0%
14	Xã Bù Gia Mập	152	35	23,00%	140	57	40,7%	10	3	33%	0	0	0%	12	0	0%	0	0	0%
15	Xã Đông Tâm	95	0	0,00%	70	0	0,00%	16	0	0%	0	0	0%	23	0	0%	0	0	0%
16	Xã Thuận Lợi	5	0	0	8	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Phường Minh Hưng	109	9	8,25%	141	10	7,09%	3	0	0	46	13	28%	8	1	12,5	32	1	3,12%
18	Phường Chơn Thành	173	0	0,00%	110	0	0,00%	13	0	0%	0	0	0%	0	0	0%	0	0	0%
19	Xã Phước Sơn	78	12	15,38%	63	26	41,27 %	3	0	0%	0	0	0%	26	0	0%	0	0	0%
20	Xã Nghĩa Trung	5	0	0,00%	83	10	12,05 %	7	1	14%	22	22	100%	0	0	0%	0	0	0%
21	Phường Tân Triều	71	0	0	213	71	33	13	7	53,8	0	0	0	30	15	50%	181	35	19,30 %
22	Xã Bình Minh	25	5	20,00%	90	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
23	Xã Bàu Hàm	114	1	0,88	75	18	24	6	0	0	79	0	0	303	70	23,1	480	28	8,8

24	Xã Trảng Bom	126	20	15,87%	62	8	12,90%	3	0	0%	124	0	0%	0	0	0%	11	0	0%
25	Xã La Ngà	52	37	71,00%	149	64	42,00%	4	0	0%	0	0	0%	11	0	0%	0	0	0%
26	Xã Phú Hòa	88	0	0	28	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
27	Xã Phú Vinh	41	3	6,67%	120	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
28	Xã Thanh Sơn	21	13	61,9	3	0	0%	7	2	28,57	0	0	0	0	0	0	0	0	0
29	Xã Định Quán	95	20	21,05%	39	6	15,38%	3	0	0%	65	0	0%	1	0	0%	0	0	0%
30	Xã Hưng Thịnh	112	18	16,07%	11	3	27,27%	6	0	0%	84	0	0%	0	0	0%	15	0	0%
31	Xã Trị An	101	13	12,9%	234	23	9,83%	18	4	22,2%	44	35	79,5%	118	30	25,4%	0	0	0
32	Xã Phú Lâm	23	3	13%	46	6	13%	3	0	0	0	0	0	82	23	28%	0	0	0
33	Xã Tà Lài	53	0	0	32	0	0	11	3	27%	0	0	0	0	0	0,00%	0	0	0
34	Xã Nam Cát Tiên	80	41	51,50%	30	15	52,80%	7	2	28%	35	22	79%	0	0	0%	0	0	0%
35	Xã Đắk Lua	1	0	0,00%	3	0	0,00%	1	0	0%	0	0	0%	0	0	0%	0	0	0%
36	Xã Tân Phú	112	36	32%	578	230	40%	8	2	25%	106	36	34%	289	25	8,65%	0	0	0
37	Phường Hàng Gòn	66	6	11,00%	45	20	44,00%	2	0	0%	0	0	0%	78	15	19,2%	0	0	0%
38	Xã Xuân Thành	150	0	0,00%	25	0	0,00%	1	0	0%	0	0	0%	0	0	0%	0	0	0%
39	Xã Tân An	87	35	40%	55	23	41,80%	15	5	33%	37	22	59%	0	0	0%	0	0	0%
40	Xã Phú Lý	8	0	0	29	0	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
41	Xã Phú Riêng	81	46	56,79%	62	14	22,58%	0	0	0%	0	0	0%	0	0	0%	0	0	0%
42	Xã Bù Đăng	62	0	0,00%	71	12	16,90%	6	0	0%	61	0	0%	20	10	50%	76	0	0%

43	Xã Đắc Ỗ	10	0	0,00%	15	0	%	7	0	0%	0	0	0%	0	0	0%	0	0	0%
44	Xã Đa Kia	2	0	0,00%	10	0	%	3	0	0%	0	0	0%	0	0	0%	0	0	0%
45	Xã Bình Tân	134	41	30,50%	70	37	52,80 %	7	2	28%	37	22	59%	24	0	0%	0	0	0%
46	Phường Long Hưng	87	29	33%	25	18	49%	5	2	40%	25	19	76%	13	2	15,3	0	0	0
47	Phường Phước Tân	30	0	0	32	0	0	9	0	0	30	2	1,5	298	10	2,30%	6	0	0
48	Phường Tam Phước	35	0	0	32	0	0	2	0	0	35	0	0	0	0	0	100	10	10%
49	Xã Xuân Quế	42	0	0	70	26	37,10 %	7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
50	Xã Xuân Phú	6	0	0,00%	17	0	0,00%	0	0	0%	6	6	100%	0	0	0%	0	0	0%
51	Xã Xuân Lộc	258	0	0,00%	250	65	26,00 %	3	0	100%	384	126	33%	40	35	88%	0	0	0%
52	Xã Phước Thái	212	0	0	212	0	0	8	2	25	212	0	0	269	15	5,60%	269	0	0
53	Xã Long Phước	28	0	0	11	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
54	Xã Bình An	38	4	10,53%	96	22	22,92 %	5	0	0%	49	1	2,04%	22	0	0%	26	0	0%
55	Xã An Phước	388	55	14,18%	83	28	33,73 %	17	7	41,18%	388	55	14,18%	749	55	7,34%	0	0	0%
56	Xã Thông Nhất	125	0	0,00%	25	5	20,00 %	4	0	0%	0	0	0%	23	0	0%	0	0	0%
57	Xã An Viễn	52	18	0,00%	18	18	9,36%	3	0	0%	0	0	0%	0	0	0%	0	0	0%
58	Xã Long Thành	175	0	0,00%	45	0	0,00%	15	0	0%	0	0	0%	20	20	0%	0	0	0%
59	Xã Sông Ray	231	0	0,00%	48	21	43,75 %	14	0	0%	0	0	0%	0	0	0%	0	0	0%

95	Xã Lộc Tân	205	9	25,71%	20	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	TỔNG	11260	1247	11%	8878	1630	18%	715	121	17%	3303	798	24%	4387	960	22%	2481	146	6%